

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI**

# BÀI TIỂU LUẬN MÔN HỌC

**KIỂM TRA – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

**Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC**

**Đánh giá kết quả**

Điểm bằng số: ……………….

Điểm bằng chữ: …………….

Họ tên: Mai Ý Nhi

Lớp: DH10STHF

**Tháng 12-2022**

# BÀI TIỂU LUẬN MÔN HỌC

**KIỂM TRA – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

**Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC**

Họ và tên: Mai Ý Nhi

Lớp: Giáo dục Tiểu học F K10

**Tháng 12-2022**

**MỤC LỤC**

**PHẦN A**- Tóm tắt kiến thức thu hoạch sau khi kết thúc học phần

Gợi ý:

* Sơ đồ tư duy:
  + Nguyên tắc & hình thức KT-ĐG;
  + Tiêu chí đánh giá tại trường Tiểu học;
  + PP&KT đánh giá kết quả giáo dục;
* Quy trình kiểm tra – đánh giá;
* ……

**PHẦN B-** Đề kiểm tra môn Toán

1. Ma trận đề kiểm tra
2. Đề kiểm tra
3. Hướng dẫn giải đề

**PHẦN C-** Đề kiểm tra môn Tiếng Việt

1. Ma trận đề kiểm tra
2. Đề kiểm tra
3. Hướng dẫn giải đề

**PHẦN A- Tóm tắt kiến thức thu hoạch sau khi kết thúc học phần**



|  |  |
| --- | --- |
| Diagram  Description automatically generated | **Tổ chức giáo dục - dạy học gồm:** |
| - Mục tiêu kiểm tra đánh giá : | là điều chỉnh hoạt động giáo dục dạy học của giáo viên và học sinh để xem học sinh có đạt được một số mục tiêu mà mình đã đặt ra trong quá trình kiểm tra đánh giá hay chưa. Mục tiêu giáo dục gồm:  +5 phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trung thực, nhân ái và trách nhiệm  + 10 năng lực: tự chủ tự học, giao tiếp hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo, ngôn ngữ, tính toán, tin học, thể chất, thẩm mĩ, công nghệ, tự nhiên và xã hội |
| - Công cụ gồm có: | + Bài kiểm tra (tự luận, trắc nghiệm)  + Phiếu đánh giá  + Thang điểm |
| - Phương pháp đánh giá: | + Nhận biết  + Hiểu  + Vận dụng |

**Text

Description automatically generated with low confidenceKhái niệm:**

Kiểm tra: xem xét tình hình học tập để đánh giá

Đánh giá: quá trình hình thành phán đoán, nhận định về kết quả sau khi phân tích những thông tin đã thu thập

Kiểm tra & đánh giá: là một quá trình đánh giá được tiến hành có hệ thống, để xác định mức độ đạt được về trình độ phát triển tư duy và trình độ được giáo dục của người học trong quá trình dạy học

**Nguyên tắc:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **7 nguyên tắc gồm:**  **Công bằng, công khai, giáo dục, toàn diện, hệ thống, khách quan, phát triển** |
| **Công bằng**  - Hình thức đánh giá quen thuộc với HS tham gia đánh giá.  - Lượng kiến thức kĩ năng cần kiểm tra phù hợp với năng lực và trình độ của HS  - GV tiến hành đánh giá phải tuân thủ đúng quy trình, đảm bảo không thiên vị bất kì HS nào  **Công khai**  Kết quả kiểm tra-đánh giá phải được công bố và phải được ghi vào hồ sơ,sổ sách  **Giáo dục**  Đánh giá trong giáo dục là một quá trình thu thập, tổng hợp, và diễn giải thông tin về đối tượng cần đánh giá, qua đó hiểu biết và đưa ra được các quyết định cần thiết về đối tượng.  **Toàn diện**  - Toàn diện là phải đánh giá về kiến thức, kĩ năng, năng lực, đạo đức.  - Thường thì đánh giá sẽ kết hợp giữa GV, PH và HS.  **Hệ thống**  - Đánh giá trước - trong - sau khi học xong một phần, một chương môn học  - Kết hợp kiểm tra đánh giá thường xuyên, kiểm tra đánh giá định kì, tổng kết cuối năm, cuối khóa học  - Số lần kiểm tra phải đủ mức để có thể đánh giá được chính xác  **Khách quan**  - Tạo điều kiện để mỗi HS bộc lộ thật chất khả năng và trình độ của mình  - Ngăn ngừa được tình trạng thiếu trung thực khi làm bài kiểm tra  - Tránh đánh giá chung về sự tiến bộ của toàn lớp hay một nhóm  - Tránh những nhận định chủ quan, áp đặt thiếu căn cứ  - Việc đánh giá phải sát với hoàn cảnh và điều kiện dạy học  **Phát triển**  - Coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS  - Giúp HS phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực  - Đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan  - Không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và cha mẹ HS. | |

**Quy trình kiểm tra – đánh giá:**

****

**Bước 1: Xác định mục tiêu:**

Cần phân tích được mục đích đánh giá, mục tiêu học tập sẽ đánh giá. Đó là các mục tiêu về phẩm chất; năng lực chung năng lực đặc thù

**Bước 2: Xác định thời điểm:**

**Sơ khởi -> Thường xuyên -> Kết thúc**

(Trước -> Trong -> Sau)

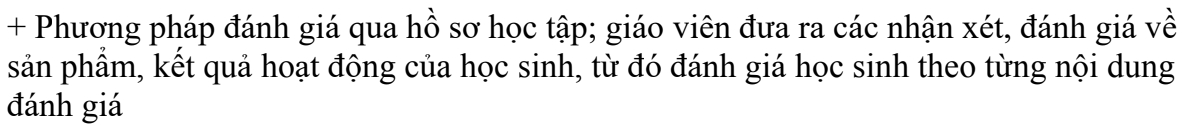
**Bước 3: Xác định nội dung:**

Kiến thức, Kỹ năng, Năng lực, Hành vi

**Bước 4: Xác định phương pháp:**

Text

Description automatically generated



**Bước 5: Xác định công cụ:**

Bảng khảo sát

Bài trắc nghiệm - tự luận

**Bước 6: Xác định người đánh giá**

Giáo viên tự đánh giá

**Bước 7: Xác định phương thức xử lí dữ liệu:**

GV chấm các bài kiểm tra, bài thi theo ma trận đã soạn sẵn

**Bước 8: Viết báo cáo nhận định**

Nhận định sau một quá trịnh thực hiện KTDG để nhìn ra được các em đã nắm vững được những nội dung nào và những vấn đề các em còn yếu, còn thiếu và cần bổ sung. Từ đó sẽ phân loại được HS theo năng lực giỏi, khá và trung bình.

**PHẦN B: Đề kiểm tra môn Toán**

1. **MA TRẬN KIỂM TRA**

**MA TRẬN ĐỀ THI MÔN TOÁN CUỐI HỌC KÌ II LỚP 4**

**Bước 1: Liệt kê các nội dung, chủ đề, mạch kiến thức cần kiểm tra**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên**  **các nội dung, chủ đề mạch kiến thức** | Mức độ nhận thức | | | | | | | | **Tổng cộng** |
| **Mức 1**  (nhận biết) | | **Mức 2**  (thông hiểu) | | **Mức 3**  (vận dụng) | | **Mức 4** (vận dụng nâng cao) | |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| 1. Số học và thống kê |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Đại lượng và đo đại lượng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Yếu tố hình học |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số câu**  **Tổng số điểm**  **Tỉ lệ %** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bước 2: Viết các chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đánh giá đối với mỗi mức độ nhận thức**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên**  **các nội dung, chủ đề mạch kiến thức** | Mức độ nhận thức | | | | **Tổng cộng** |
| **Mức 1**  (nhận biết) | **Mức 2**  (thông hiểu) | **Mức 3**  (vận dụng) | **Mức 4** (vận  dụng nâng cao) |  |
| 1. Số học và thống kê | - Đọc, viết được số thập phân.  - Nhận biết được số thập phân gồm phần nguyên, phần thập phân và hàng của số thập phân.  - Nhận biết được cách so sánh hai số thập phân. | - Nắm được giá trị của các chữ số trong số thập phân.  - Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia hai số thập phân. | - Vận dụng được tính chất của các phép tính với số thập phân và quan hệ giữa các phép tính đó trong tính toán.  - Thực hiện được việc sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại. | - Tìm kết quả cho các bài toán vận dụng tính chất giao hoán, kết hợp, … để tính nhanh, tìm X |  |
| 1. Đại lượng và đo đại lượng | - Nhận biết được đơn vị đo khối lượng: kg (ki-lô-gam), đọc và viết được số đo khối lượng.  - Nhận biết được một số đơn vị đo thể tích thông dụng: cm3 (xăng-ti-mét khối), dm3 (đề-xi-mét khối), m3 (mét khối). | - Đổi đơn vị đo khối lượng, thể tích ở dạng đơn giản | - So sánh các số đo khối lượng, thể tích dạng phức tạp. | - Tìm kết quả cho các bài toán liên quan đến số đo khối lượng, thể tích, diện tích các hình đã học. |  |
| 1. Yếu tố hình học | - Diện tích hình tam giác, hình thang; Chu vi, diện tích hình tròn; Diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương. | - Vận dụng tính diện tích các hình đã học. | - Vận dụng giải các bài toán liên quan đến tính diện tích hình học. | - Tìm kết quả liên quan đến các bài toán hình học |  |

**Bước 3: Xác đinh các tỉ lệ % số điểm, số câu cho mỗi nội dung, chủ đề, mạch kiến thức tương ứng với tỉ lệ %**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên các nội dung, chủ đề mạch kiến thức** | **Số câu, số điểm** | **Mức 1**  (nhận biết) | **Mức 2**  (thông hiểu) | **Mức 3**  (vận dụng) | **Mức 4**  (vận dụng nâng cao) | **Tổng** |
| 1. Số học | Số câu | 2 | 2 | 2 | 1 | *7* |
| Số điểm | 2 | 2 | 3 | 1 | *8*  *( 80% )* |
| 1. Đại lượng và đo đại lượng | Số câu | 1 |  |  |  | *1* |
| Số điểm | 1 |  |  |  | *1*  *( 10% )* |
| 1. Yếu tố hình học | Số câu |  | 1 |  |  | *1* |
| Số điểm |  | 1 |  |  | *1*  *( 10% )* |
| **Tổng số câu**  **Tổng số điểm**  **Tỉ lệ %** |  | Số câu: 3  Số điểm: 2 - 1  30% | Số câu: 3  Số điểm: 2 - 1  30% | Số câu: 2  Số điểm: 3  30% | Số câu: 1  Số điểm: 1  10% | *Số câu: 9*  *Số điểm: 10*  *Tỉ lệ %: 100%* |

**Bước 4: Tính tổng số điểm và tổng số câu hỏi cho mỗi cột và kiểm tra tỉ lệ % tổng số điểm phân phối cho mỗi cột**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên các nội dung, chủ đề mạch kiến thức** | **Số câu, số điểm** | **Mức 1**  (nhận biết) | | **Mức 2**  (thông hiểu) | | **Mức 3**  (vận dụng) | | **Mức 4**  (vận dụng nâng cao) | | **Tổng** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| 1.Số học | **Số câu** | 2 |  | 1 | 1 |  | 2 | 1 |  | *4* | *3* |
| **Câu số** | 1,2 |  | 4 | 6 |  | 8,9 | 5 |  |  |  |
| **Số điểm** | **2** |  | **1** | **1** |  | **3** | **1** |  | ***4*** | ***4*** |
| 2.Đại lượng và đo đại lượng | **Số câu** | 1 |  |  |  |  |  |  |  | *1* | *0* |
| **Câu số** | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Số điểm** | **1** |  |  |  |  |  |  |  | ***1*** | ***0*** |
| 3.Yếu tố hình học | **Số câu** |  |  |  | 1 |  |  |  |  | *0* | *1* |
| **Câu số** |  |  |  | 7 |  |  |  |  |  |  |
| **Số điểm** |  |  |  | **1** |  |  |  |  | ***0*** | ***1*** |
| **Tổng số câu** |  | **3** | **0** | **1** | **2** | **0** | **2** | **1** | **0** | ***5*** | ***4*** |
| **Tổng số điểm** |  | **3** | | **3** | | **3** | | **1** | | ***10*** | |

**ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

MÔN: TOÁN LỚP 4 - NGÀY KIỂM TRA: ………

THỜI GIAN: … PHÚT ( Không kể thời gian phát đề)

**ĐỀ BÀI :**

**PHẦN I. Trắc nghiệm** (5 điểm)